

NỘI DUNG ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ 1
MÔN LỊCH SỬ KHỐI 12
NĂM HỌC 2025- 2026

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

Bài 1: LIÊN HỢP QUỐC

Bài 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Bài 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: 24 câu (60 % - 6.0 điểm)

Trắc nghiệm (Đúng-Sai) : 4 câu (40% - 4.0 điểm)

Thời gian kiểm tra: 45 phút

CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH
BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a. Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành.

* **Bối cảnh lịch sử:** Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh thấy sự cần thiết phải hợp tác để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh, đồng thời xác lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hoà bình và trật tự thế giới sau tranh. Điều này cũng phù hợp với khát vọng được sống trong hoà bình của nhân dân thế giới.

* **Quá trình hình thành:**

- Ngày 12-6-1941: Các nước Đồng minh ra bản tuyên bố Luân Đôn, cam kết cùng hợp tác, cả trong chiến tranh và hoà bình.

- Ngày 30-10-1943 Tại Mát-xcơ-va (Liên Xô), chính phủ Liên Xô, Mỹ, Anh, Trung Hoa Dân Quốc kêu gọi sớm thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì hoà bình và an ninh.

- Từ 28-11 đến 1-12-1943: Tại Hội nghị Tê-hê-ran (Iran), nguyên thủ ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc

- Tháng 2-1945: Tại Hội nghị Ian-ta (Liên Xô), nguyên thủ ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

- Từ 25-4 đến 26-6-1945: Đại diện 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

- Ngày 24-10-1945: Với sự phê chuẩn Hiến chương của các nước thành viên, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động.

* **Mục tiêu:**

- Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc.

- Hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, bảo đảm quyền con người và những quyền tự do cơ bản.

- Là trung tâm điều hoà hành động của các quốc gia vì những mục tiêu chung.

*** Nguyên tắc hoạt động:**

- Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các quốc gia.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.
- Không đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- Không can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền nội bộ của các nước.
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a. Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.

- Ngăn chặn các cuộc xung đột; làm trung gian hoà giải các cuộc xung đột và khủng hoảng quốc tế tại nhiều khu vực trên thế giới; triển khai hoạt động gìn giữ hoà bình, tạo điều kiện để hoà bình được duy trì bền vững.

- Góp phần ngăn chặn không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới từ năm 1945 đến nay.

- Soạn thảo và xây dựng một hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang, hạn chế vũ khí hạt nhân,...tạo khuôn khổ pháp lí cho việc ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

- Thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, chấm dứt các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

b. Thúc đẩy phát triển.

- Ưu tiên tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hợp tác quốc tế về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học, kĩ thuật thông qua các chương trình, quỹ trực thuộc, các tổ chức chuyên môn và các tổ chức liên chính phủ.

- Có nhiều chương trình hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, kĩ thuật, nhân lực,... để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển.

- Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.

c. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.

- nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm bảo đảm quyền cơ bản của con người, xây dựng một thế giới an toàn hơn, công bằng hơn và tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.

- Năm 2000, Liên hợp quốc đã đề ra Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỉ, nhằm xoá bỏ đói nghèo, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, tăng cường bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác, bảo đảm bền vững môi trường,...

- Liên hợp quốc cũng có sự hỗ trợ hiệu quả đối với các nước trong quá trình phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế.

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- **Đầu năm 1945:** Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra với các nước Đồng minh:

- + Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít
- + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- + Phân chia quyền lợi giữa các nước thắng trận,...

- **Từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945:** tại thành phố I-an-ta (Liên Xô) đã diễn ra hội nghị giữa ba cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh.

- **Hội nghị đưa ra nhiều quyết định quan trọng:**

- + Thống nhất mục tiêu chung trong việc tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật
- + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế
- + Thoả thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn, chủ yếu là giữa Liên Xô và Mỹ ở châu Âu, châu Á sau chiến tranh.

- **Tác động:** Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó giữa ba cường quốc tại Hội nghị Pôt-xdam (Đức) tháng 7-1945 đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là “Trật tự thế giới hai cực I-an-ta”.

=> Trật tự thế giới hai cực I-an-ta hình thành đã chia thế giới thành hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ

b. Sự tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong nửa sau thế kỉ XX, trải qua **2 giai đoạn:**

- **Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa một bên là cực Mỹ, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là cực Liên Xô, đứng đầu hệ thống XHCN.

+ Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng khi Mỹ phát động cuộc Chiến tranh lạnh (1947) nhằm chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

+ Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập liên minh quân sự ở nhiều khu vực, khiến thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi, tiêu biểu là chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945 - 1954), chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954-1975),...

- **Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ.

+ Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Chiến tranh lạnh vẫn diễn ra nhưng xu thế hoà hoãn Đông - Tây bắt đầu xuất hiện. Liên Xô và Mỹ đạt được những thoả thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành các cuộc gặp gỡ cấp cao.

+ Sự tan rã của Liên Xô năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của Trật tự với hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân, tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Nguyên nhân

+ Chạy đua vũ trang cả Liên Xô Mỹ tốn kém, suy giảm thế mạnh kinh tế buộc hai bên phải tự điều chỉnh, từng bước hạn chế căng thẳng.

+ Sự vươn lên của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực thán lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.

+ Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

+ Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hoá và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

+ Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô - quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

b. Tác động

- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ có tác động lớn đến thế giới, đưa tới xu thế phát triển mới, cụ thể là:

+ Trong quan hệ quốc tế, một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực. Mỹ tiếp tục là siêu cường có sức mạnh vượt trội, nhưng phạm vi ảnh hưởng bị thu hẹp ở nhiều nơi.

+ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp, xung đột như ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta cũng tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn ở châu Âu.

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta còn có những tác động không nhỏ đến vấn đề dân tộc, bản sắc cộng đồng, tôn giáo,... ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu.

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới phát triển theo những xu thế chính sau:

+ **Xu thế đa cực** (thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI).

+ **Xu thế lấy phát triển kinh tế là trung tâm**: kinh tế trở thành nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia, đồng thời đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.

+ **Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế**: quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hoà bình, hợp tác cùng có lợi.

+ **Xu thế toàn cầu hoá**: thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế; sự mở rộng của các công ty xuyên quốc gia; sự ra đời của các tổ chức liên kết thương mại, tài chính quốc tế,..

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a. Khái niệm đa cực

- Trong quan hệ quốc tế, đa cực là khái niệm chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối. Trong trật tự đa cực, không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu.

- Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. Trong trật tự mới này, các nước tăng cường sức mạnh tổng hợp để vươn lên khẳng định ảnh hưởng.

b. Xu thế đa cực

- **Sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ và Liên Xô tan rã**, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không còn. Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, có sức mạnh vượt trội và ra sức thiết lập thế giới đơn cực.

- **Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang đa cực, biểu hiện**:

+ Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

+ Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.

+ Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn. Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng có ảnh hưởng ngày càng lớn trong các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.

- **Trong một thế giới đa cực**, các quốc gia vừa cạnh tranh vừa hợp tác nhằm vươn lên và khẳng định vị thế của mình. Xu thế đa cực đem lại những thời cơ lớn nhưng cũng tạo ra không ít thách thức cho các nước.

CHỦ ĐỀ 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN

CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a. Quá trình hình thành

- **Sau khi giành độc lập dân tộc**, các quốc gia Đông Nam Á từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, đưa tới nhu cầu hợp tác khu vực. Điều này cũng được thúc đẩy bởi sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.

- Trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài, đồng thời thúc đẩy hợp tác và tương trợ lẫn nhau, từ những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á, như:

+ Năm 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thoả thuận thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).

+ Năm 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a thoả thuận thành lập tổ chức MAPHILINDO.

+ Năm 1966: Ngoại trưởng Thái Lan gửi ngoại trưởng các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po dự thảo về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

b. Mục đích thành lập của ASEAN

- Tổ chức ASEAN ra đời hướng tới những mục đích chính sau:

+ **Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

+ **Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực** thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc.

+ **Thúc đẩy hợp tác**, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

2. Quá trình phát triển của ASEAN

a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Trong giai đoạn 1967 - 1999, ASEAN đã phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.

+ **1967**: ASEAN được thành lập (5 nước thành viên)

+ **1984**: Bru-nây gia nhập ASEAN (thành viên thứ 6)

+ **1995**: Việt Nam gia nhập ASEAN (thành viên thứ 7)

+ **1997**: Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN (thành viên thứ 8, thứ 9)

+ **1999**: Cam-pu-chia gia nhập ASEAN (thành viên thứ 10)

→ Việc 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh dấu bước phát triển trong liên kết khu vực ở Đông Nam Á.

b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

- Giai đoạn từ 1967 đến 1976:

+ Thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

+ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.

+ Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.

+ Hiệp ước Bali được kí kết năm 1976 là sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN, thể hiện cam kết cao nhất của các nước thành viên nhằm xây dựng hoà bình, hữu nghị, hợp tác trong khu vực.

- Giai đoạn từ 1976 đến 1999:

+ Thiết lập quan hệ chính trị ổn định trong khu vực, mở rộng thành viên và từng bước nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.

+ Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất, Ban thư kí ASEAN được thành lập, có trụ sở tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a). ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.

+ ASEAN cũng tham gia giải quyết nhiều vấn đề chính trị, an ninh lớn trong khu vực như vấn đề Cam-pu-chia.

- Giai đoạn từ 1999 đến 2015:

+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.

+ Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.

- **Giai đoạn từ 2015 đến nay:**

+ Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển với ba trụ cột chính là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

+ ASEAN tăng cường hợp tác và kết nối khu vực, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN

- **Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN** khởi nguồn từ khi tổ chức này được thành lập năm 1967. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.

- **Năm 1997**, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN. Cũng trong năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a đã thông qua văn kiện mang tên Tầm nhìn ASEAN 2020.

- **Tầm nhìn ASEAN 2020** là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

b. Mục tiêu

- **Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN** là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

- **Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột** là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

c[A1]. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Các nước thành viên thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

- Ngày 22/11/2015 các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN từ ngày 31/12/2015.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a. Cộng đồng Chính Trị - An ninh ASEAN

- **Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)** là khuôn khổ hợp tác chính trị an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị - an ninh trong khối ASEAN, kết hợp với sự tham gia của các đối tác bên ngoài.

b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN

- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)** là khuôn khổ hợp tác xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

- **AEC thúc đẩy chính sách cạnh tranh** về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên.

c. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

- **Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC)** xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm, có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tinh đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở, nơi cuộc sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

- **Kế hoạch tổng thể xây dựng ASCC được thông qua, gồm 6 nội dung chính.**

+ Phát triển con người

- + Phúc lợi và bảo hiểm xã hội
- + Các quyền và bình đẳng xã hội
- + Bảo đảm bền vững môi trường
- + Tạo dựng bản sắc ASEAN
- + Thu hẹp khoảng cách phát triển

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Triển vọng và thách thức của Cộng đồng ASEAN

- *Thách thức của Cộng đồng ASEAN:*

+ Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng và toàn cầu nói chung.

+ Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.

+ Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.

+ Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,... đe dọa môi trường hoà bình, an ninh, ổn định để phát triển của Cộng đồng ASEAN.

- *Triển vọng của Cộng đồng ASEAN:*

+ Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng là cơ sở để Cộng đồng ASEAN tiếp tục phát triển với mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.

+ Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, ...; từng bước gắn kết các quốc gia Đông Nam Á để trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.

+ Về đối ngoại, vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.

CHỦ ĐỀ 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

- **Tình hình thế giới:** đầu tháng 8/1945, CTTG thứ hai đã đi đến những ngày cuối cùng. Ngày 15/8/1945, Nhật Bản chính thức đầu hàng vô điều kiện Đồng minh.

- **Tình hình Việt Nam:**

+ Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.

+ Quân Đồng minh chưa kịp vào giải giáp quân Nhật.

+ Lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương có sự chuẩn bị đầy đủ về đường lối và phương pháp đấu tranh.

+ Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện qua thực tiễn, đặc biệt là cao trào kháng Nhật cứu nước và khởi nghĩa từng phần.

+ Quần chúng đã sẵn sàng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

→ Thời cơ cách mạng đã chín muồi. Nhân cơ hội đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tổng khởi nghĩa.

Chủ trương của Đảng

	- Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
14 đến 15 – 8	- <i>Hội nghị toàn quốc của Đảng</i> họp ở Tân Trào: + Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa. + Quyết định chính sách đối nội, đối ngoại.
16 đến 17 – 8	- <i>Đại hội quốc dân</i> họp ở Tân Trào: + Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng. + Thông qua 10 chính sách của Việt Minh. + Bầu Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính

- Đến giữa tháng 8/1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước.
 - Từ ngày 14/8/1945, tại nhiều nơi, cấp bộ Đảng, Việt Minh đã căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để phát động nhân dân khởi nghĩa.
 - Ngày 14,15/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở 1 số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.
 - Chiều 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa.
 - Ngày 18/8/ 1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.
 - Tối 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.
 - Ngày 23/8/1945, nhân dân Huế giành được chính quyền.
 - Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi tại Sài Gòn.
 - Ngày 28/8/1945, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước (trừ một số thị xã do quân Trung Hoa Dân quốc chiếm đóng từ trước).
- Khởi nghĩa ở Hà Nội , Huế, Sài Gòn đã tác động mạnh đến các địa phương khác, đưa đến thắng lợi của CMT8.
- Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
 - 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử

a. Nguyên nhân thắng lợi:

- Nguyên nhân khách quan:

Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít tạo ra thời cơ thuận lợi cho nhân dân Việt Nam Tổng khởi nghĩa đồng thời cổ vũ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của các tầng lớp nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh. Đường lối cách mạng đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin vào hoàn cảnh Việt Nam.

- Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do.

- Sự chủ động, linh hoạt của các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh trong quá trình chỉ đạo, tổ chức khởi nghĩa.

- Quá trình chuẩn bị và xây dựng lực lượng chu đáo cho Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm (từ 1930) gắn liền với những bài học kinh nghiệm quý báu.

- Có sự đồng lòng của toàn dân; chỉ đạo linh hoạt của các cấp bộ Đảng, Việt Minh để chớp thời cơ giành chính quyền.

b. Ý nghĩa lịch sử:**- Đối với dân tộc Việt Nam**

+ Mở ra bước ngoặt lớn của dân tộc: kết thúc ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm; chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

+ Mở đầu kỷ nguyên mới: kỉ nguyên độc lập, tự do; nhân dân lao động làm chủ đất nước (nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.); giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

+ Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

+ Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.

- Đối với thế giới:

+ Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng đồng thời ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Lào và Campuchia.

c. Bài học kinh nghiệm:

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng: Cần có đường lối chiến lược đúng đắn và vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước.

- Bài học về phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân.

- Bài học về xác định thời cơ, tạo và chớp thời cơ

- Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Trong đó nhân tố chủ quan (nội lực) giữ vai trò quyết định.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

Nhóm sử 12